

ĐẶT VẤN ĐỀ

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh đã được UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt tại Quyết định số 2036/QĐ-UBND ngày 29/10/2021. Đây là cơ sở pháp lý cho các cấp, các ngành của địa phương quản lý sử dụng đất, xây dựng kế hoạch sử dụng đất. Qua quá trình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất huyện Trùng Khánh đã đạt được một số thành tựu nhất định. Tuy nhiên, dưới tác động của nhiều yếu tố khách quan cũng như chủ quan nằm ngoài dự báo của địa phương trong quá trình quản lý và sử dụng đất vào các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Chính phủ đã phân khai chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 cho tỉnh Cao Bằng đây là căn cứ quan trọng để UBND tỉnh Cao Bằng phân bổ lại chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 cho huyện Trùng Khánh. Đến nay quy hoạch tỉnh Cao Bằng đến năm 2030, định hướng đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 đã thay đổi một số chỉ tiêu loại đất phân bổ cho cấp huyện nên cũng cần có sự điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 huyện Trùng Khánh cho phù hợp với chỉ tiêu phân bổ của quy hoạch tỉnh, nhằm đảm bảo thực hiện tốt: Chương trình xây dựng quy hoạch chung cấp xã; Chương trình phát triển nông - lâm nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, văn hoá, xã hội và các lĩnh vực khác sẽ được triển khai theo quy hoạch tỉnh thời gian tới.

Từ thực tế trên cho thấy những chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 không còn phù hợp, cần được điều chỉnh đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện từ nay đến năm 2030.

UBND tỉnh Cao Bằng đã ban hành Văn bản số 2898/UBND-NĐ ngày 08/11/2022 Về việc cho chủ trương điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện. Ủy ban nhân dân huyện Trùng Khánh đã triển khai thực hiện lập: ***Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh.***

Phần I
SỰ CẦN THIẾT LẬP ĐIỀU CHỈNH
QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN TRÙNG KHÁNH

Thực hiện Luật Đất đai năm 2013; Luật quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017 và Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật quy hoạch.

Thực hiện Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất cấp quốc gia thời kỳ 2021-2030; Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Văn bản số 2898/UBND-NĐ ngày 08/11/2022 Về việc cho chủ trương điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện.

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh được UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt tại Quyết định số 2036/QĐ-UBND ngày 29/10/2021, đến nay các chỉ tiêu sử dụng đất không còn phù hợp với chỉ tiêu phân khai của quy hoạch tỉnh Cao Bằng cho huyện Trùng Khánh. Do vậy việc lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh là hoàn toàn phù hợp với quy định.

Để đảm bảo tính đồng nhất của hệ thống chỉ tiêu sử dụng đất và phân bổ đất đai phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030, đáp ứng quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá, đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, và hiệu quả. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh, là một nội dung quan trọng cần được xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Khi được phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đây là căn cứ pháp lý và làm cơ sở thực hiện công tác quản lý Nhà nước về đất đai, nhằm phân bổ hợp lý quỹ đất, là căn cứ thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng, chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ... phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

I- CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Căn cứ pháp lý thực hiện lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013;

- Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;
- Luật đất đai năm 2013; Luật Quy hoạch năm 2017;
- Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;
- Luật Lâm nghiệp 2017;
- Nghị định số 43/2004/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định 37/2019/NĐ-CP ngày 07/8/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Thông tư: số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; số 11/2021/TT-BTNMT ngày 06/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Văn bản số 2898/UBND-NĐ ngày 08/11/2022 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc cho chủ trương điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện.
- Văn bản số 128/SKHĐT-THQH ngày 17/01/2024 của Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh về việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện.
- Văn bản số 2490/UBND-TNMT ngày 14/12/2023 của UBND huyện Trùng Khánh về việc triển khai lập Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh.
- Văn bản số 259/UBND-TNMT ngày 22/02/2024 của UBND huyện Trùng Khánh về việc triển khai lập Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh (lần 2).

Bộ cục của báo cáo thuyết minh tổng hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh theo mẫu số 5.7/BC-ĐCQH, ngoài phần mở đầu, kết luận và kiến nghị, được bố cục thành các phần chính sau:

Phần I: Sự cần thiết điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất

Phần II: Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030;

Phần III: Giải pháp thực hiện.

II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và thực trạng môi trường.

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

2.1.1.1. Vị trí địa lý

Huyện Trùng Khánh là một huyện miền núi nằm ở phía Đông Bắc tỉnh Cao Bằng. Huyện có 2 cửa khẩu quốc gia với nước CHND Trung Hoa là cửa khẩu Trà Lĩnh ở thị trấn Trà Lĩnh, cửa khẩu Pò Peo ở xã Ngọc Côn và các đường tiểu ngạch khác. Huyện có vị trí địa lý như sau:

- Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Tây, nước CHND Trung Hoa;
- Phía Nam giáp huyện Hạ Lang và huyện Quảng Hòa;
- Phía Đông giáp huyện Hạ Lang;
- Phía Tây giáp huyện Hà Quảng và huyện Hòa An.

Huyện Trùng Khánh cách trung tâm thành phố Cao Bằng khoảng 60 km về phía Đông bắc, huyện có tuyến đường Quốc lộ 4A, Tỉnh lộ 206, Tỉnh lộ 213, Tỉnh lộ 214 chạy qua và các tuyến đường huyện, liên xã, liên xóm, đường vành đai biên giới nên cũng khá thuận lợi cho việc giao lưu kinh tế, hàng hoá với nước bạn CHND Trung Hoa.

2.1.1.2. Địa hình, địa mạo

Huyện Trùng Khánh có độ cao trung bình từ 600 - 800 m so với mặt nước biển, có cấu trúc địa hình đa dạng, phức tạp, thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam. Xen giữa những dãy núi đá là những thung lũng bằng phẳng. Nét đặc trưng của địa hình Trùng Khánh là giữa các thung lũng bằng phẳng có những ngọn núi đá, núi đất sừng sững, nhấp nhô với nhiều hình dạng, tiêu biểu là vùng Ngọc Khê (thuộc xã Ngọc Khê) dọc sông Quây Sơn, huyện Trùng Khánh còn có những dãy núi đá cao, chạy dọc biên giới giữa Việt Nam và nước CHND Trung Hoa, ở phía Bắc và Đông Bắc, phía Nam và Tây Nam là địa hình chuyển tiếp của cao nguyên miền Đông (thuộc đới Hành Lang trong kiến tạo địa chất thuộc vùng đất có nhiều khoáng sản quý như măng gan, bôxít, thạch anh, ngọc bích,...), cao dần từ Nam lên Bắc.

2.1.1.3. Khí hậu, thời tiết

Do điều kiện vị trí địa lý và địa hình, huyện Trùng Khánh chịu nhiều ảnh hưởng của khí hậu á nhiệt đới; thường chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi gió mùa, chủ yếu là gió mùa Đông Bắc. Mùa Đông, độ ẩm thấp, khô hanh và rét buốt, mùa Hè nóng bức, chỉ mát dịu về ban đêm. Khí hậu hai mùa nóng lạnh rõ rệt. Mùa lạnh

bắt đầu từ tháng 10, kéo dài đến hết tháng 4 năm sau. Mùa nóng bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 9. Nhiệt độ cao nhất trong tháng 5 và tháng 6, trung bình lên tới 36°C. Sau tháng 7 nhiệt độ giảm dần, trung bình khoảng từ 20-25°C. Vào khoảng giữa tháng 4 và tháng 5, do sự chuyển tiếp giữa mùa nóng và mùa lạnh, nên hàng năm dễ xảy ra mưa đá.

Lượng mưa trung bình hàng năm từ 1.500 mm - 1.900 mm. Có những năm mưa nhiều, thường gây lũ lụt cục bộ; ở các vùng thượng nguồn, đất ruộng và rẫy dễ bị rửa trôi bạc màu, gây hư hại cho cây cối, mùa màng, ảnh hưởng tới đời sống sinh hoạt của nhân dân.

2.1.2. Các nguồn tài nguyên

2.1.2.1. Tài nguyên đất

Kết quả tổng hợp từ bản đồ Thổ nhưỡng cho thấy huyện Trùng Khánh có các loại đất như sau:

- Đất phù sa: Diện tích 1.107,00 ha, chiếm 1,61% diện tích tự nhiên.
- Đất dốc tụ hình thành trên đá vôi: Diện tích 3.251,00 ha, chiếm 4,73% diện tích tự nhiên.
- Đất nâu đỏ trên đá vôi: Diện tích 8.288,77 ha, chiếm 12,05% diện tích tự nhiên.
- Đất nâu đỏ trên đá Macma bazơ và trung tính: Diện tích 315,23 ha, chiếm 0,46% diện tích tự nhiên.
- Đất xám feralit phát triển trên đá phiến thạch sét và đá biến chất: Diện tích 21.346,29 ha, chiếm 31,03% diện tích tự nhiên.
- Đất xám feralit trên đá cát: Diện tích 1.958,00 ha, chiếm 2,85% diện tích tự nhiên.
- Đất mới biến đổi trung tính ít chua: Diện tích 386,00 ha, chiếm 0,56% diện tích tự nhiên.
- Đất nâu vàng trên đá vôi: Diện tích 1.793,00 ha, chiếm 2,85% diện tích tự nhiên.
- Đất nâu thẫm tích vôi: Diện tích 367,00 ha chiếm 0,56% diện tích tự nhiên.
- Đất Glây: Diện tích 786 ha, chiếm 2,61% diện tích tự nhiên.
- Đất xói mòn trơ sỏi đá: Diện tích 902,48 ha, chiếm 1,31% diện tích đất tự nhiên.

Nhìn chung, các loại đất đai của huyện Trùng Khánh khá tốt, thuận lợi để phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp như trồng lúa, thuốc lá, đậu tương, mía,... đặc biệt là việc phát triển cây ăn quả như dẻ, hồng,...

2.1.2.2. Tài nguyên rừng

Thảm thực vật rừng tự nhiên có nhiều nhất là cây tiên phong: xoan rừng, còng lồ kháo,... cây lùm bụi có sim, mua, giàng giàng. Cây rừng trồng chủ yếu có thông, sa mộc, bạch đàn,... Đặc biệt. Rừng là nơi cung cấp nguyên liệu cho sản xuất đồ gỗ, làm nhà. Thảm thực vật rừng của huyện có vai trò quan trọng trong việc điều hòa nguồn nước, chống lũ lụt, bảo vệ hệ sinh thái, đa dạng sinh học và cảnh quan thiên nhiên, có ý nghĩa đặc biệt về mặt môi trường.

2.1.2.3. Tài nguyên khoáng sản

- Huyện Trùng Khánh được sáp nhập trên cơ sở 02 huyện Trà Lĩnh và huyện Trùng Khánh. Với các tài liệu điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, trên địa bàn huyện Trùng Khánh mới chỉ phát hiện, ghi nhận được một số loại khoáng sản như Mangan, đá ốp lát, dolomit, đá vôi xi măng nhưng 02 loại khoáng sản chính là quặng Mangan và đá vôi, cát sỏi làm vật liệu xây dựng là có giá trị lớn hơn cả.

- Đối với quặng Mangan đã phát hiện, ghi nhận và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản tại 24 mỏ, điểm khoáng sản trong các giai đoạn trước đây; điểm khoáng sản tổng tài nguyên, trữ lượng là trên 3 triệu tấn. Tuy nhiên, đến nay trữ lượng khai thác đã cạn kiệt, không còn các mỏ phù hợp đầu tư khai thác công nghiệp mà chỉ mang tính hoạt động nhỏ lẻ, tận thu khoáng sản. Đến nay, còn 3 Giấy phép khai thác còn hiệu lực (Mỏ Tốc Tát, mỏ Nà Num, mỏ xóm Bản Khuông), có 01 mỏ đang thực hiện thăm dò (Roọng Tháy), 01 mỏ đã thăm dò nhưng chưa được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép (Bản Khuông); Có 02 mỏ cần thực hiện nghĩa vụ đóng cửa mỏ (Lũng Luông và Lũng Phải - Bản Chang).

- Đối với đá vôi, cát sỏi làm vật liệu xây dựng hầu hết được phân bố trên địa bàn tất cả các xã, thị trấn. Về số liệu trữ lượng chưa được điều tra, đánh giá nghiên cứu cụ thể nhưng ước tính có tới hàng trăm triệu m³ đá vôi, hàng chục nghìn m³ cát sỏi lòng sông. Trên địa bàn huyện đá vôi làm vật liệu xây dựng có 36 mỏ đá vôi với tổng công suất quy hoạch khai thác là 195.000 m³/năm. Đối với cát, sỏi lòng sông được quy hoạch khai thác trên địa bàn 8 xã với tổng công suất khai thác khoảng 40.000 m³/năm. Quy hoạch chưa khoanh định, làm rõ được phạm vi, ranh giới các mỏ cát, sỏi lòng sông. Hiện nay, do đảm bảo về cảnh quan, du lịch trong vùng Công viên địa chất nên trên địa bàn chưa cấp Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng sông lâu dài. Hiện có 04 mỏ đá có Giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực (Thua Phia, xã Đức Hồng; Kéo Thín Lạn, xã Lãng Hiếu; Phia Gà, xã Khâm Thành; Lũng Mò, xã Cao Chương).

2.1.2.4. Tài nguyên nước

- *Nước mặt*: Đây là nguồn nước chính phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt

của nhân dân. Lưu lượng dòng chảy các sông có sự ổn định, chất lượng nước sạch, không bị ô nhiễm. Đảm bảo cung cấp nước sản xuất và sinh hoạt cho khu vực thị trấn Trà Lĩnh, thị trấn Trùng Khánh và một số xã như Cao Chương, Phong Châu, Ngọc Côn,... Hệ thống sông, suối trên địa bàn huyện không chỉ cung cấp nguồn nước mà còn có ý nghĩa với chế độ thủy văn và môi trường sinh thái. Song do địa hình dốc, chia cắt nên khả năng giữ nước hạn chế. Mặt khác nguồn nước mặt phân bố không đều trên lãnh thổ, nhiều khu vực đã bị thiếu nước, đặc biệt là vào mùa khô trên các xóm vùng cao.

- *Nước ngầm*: Nguồn nước ngầm qua thăm dò khảo sát địa, vật lý cho thấy ngay tại những vị trí khả quan nhất chỉ cho lưu lượng nước 1 lít/s ở độ sâu 100 m. Như vậy, do địa hình đồi núi có độ dốc lớn, nguồn nước ngầm thường rất sâu nên việc đầu tư khai thác nguồn nước ngầm sẽ rất tốn kém.

2.1.2.5. Tài nguyên du lịch

Huyện Trùng Khánh có tiềm năng rất lớn về du lịch với thác Bản Giốc - Một thác nước có độ cao trên 30m nằm trên biên giới Việt Nam và Trung Quốc, cách trung tâm huyện Trùng Khánh khoảng 20 km về phía Đông Bắc. Bên phía Việt Nam, thác thuộc xã Đàm Thủy, còn bên phía Trung Quốc thác thuộc tỉnh Quảng Tây. Thác Bản Giốc là thắng cảnh du lịch nổi tiếng không những của huyện Trùng Khánh mà còn của cả tỉnh Cao Bằng và của Việt Nam. Khu vực thác Bản Giốc đang được các ngành, các cấp đầu tư xây dựng, nơi đây ngày càng thu hút nhiều khách tham quan trong và ngoài nước.

Trên địa bàn huyện Trùng Khánh (xã Đàm Thủy) còn có một điểm tham quan du lịch đang thu hút nhiều du khách là động Ngườm Ngao dài 3 km, được đánh giá là một trong những hang động đẹp của Việt Nam; hiện nay động đang được đầu tư khai thác; làng đá Khuổi Ky một ngôi làng truyền thống của người Tày với những ngôi nhà sàn đá hết sức độc đáo. Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn có nhiều cảnh đẹp như Mắt Thần Núi (xã Cao Chương); các cánh đồng Phong Nặm, Ngọc Khê, Ngọc Côn dọc hai bên bờ sông Quây Sơn; đền Hoàng Lục, hồ Bản Viết; Chùa Phật tích Trúc lâm Bản Giốc.

Quần thể du lịch Thác Bản Giốc, động Ngườm Ngao, làng đá Khuổi Ky,... góp phần bảo vệ, tôn tạo, phát huy giá trị văn hóa dân tộc bản địa và cảnh quan thiên nhiên. Góp phần giữ gìn bản sắc dân tộc và phát triển kinh tế, tạo nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.

2.1.2.6. Tài nguyên nhân văn

Trên địa bàn huyện có có nhiều dân tộc như Tày, Nùng, Mông, Dao, Kinh, Sán Chỉ,... ở xen lẫn nhau, trong đó đông nhất là người Tày.

Mỗi dân tộc trong cộng đồng sinh sống ở Trùng Khánh đều có bản sắc

văn hóa riêng, tạo nên nền văn hoá truyền thống phong phú, đa dạng, đặc biệt là người Tày. Người Tày có truyền thống văn hoá lâu đời, có chữ viết riêng (nhóm ngôn ngữ Tày - Nùng). Nét đặc sắc về văn hoá của người Tày được thể hiện trong các hội làng, ca hát đối đáp, hát Ví, hát Then, hát Si, hát Lượn,...

2.1.2.5. Thực trạng môi trường

Tình trạng ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện đang diễn ra khá phức tạp. Do tốc độ gia tăng dân số đô thị ngày càng nhanh, lượng rác thải sinh hoạt và xây dựng phát sinh nhiều, trên địa huyện có 02 bãi rác chôn lấp rác thải tại Thị trấn Trùng Khánh và Thị trấn Trà Lĩnh và 02 bãi rác tại các xã Ngọc Côn, Đoàn Dương đang được đầu tư xây dựng. Nhiều hộ gia đình chưa có bể chứa nước sạch, chưa có nhà vệ sinh, chăn nuôi nhỏ lẻ không tập trung, thiếu quy hoạch, chất thải chăn nuôi chưa được thu gom và xử lý. Bên cạnh đó một bộ phận nhân dân chưa nhận thức đúng về công tác giữ gìn vệ sinh môi trường, còn vứt rác bừa bãi, vứt xuống sông, suối gây ô nhiễm môi trường. Việc lạm dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu trong sản xuất nông nghiệp gây ảnh hưởng đến môi trường đất và nguồn nước ở sông, suối, kênh mương. Chưa có hệ thống thu gom xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, chủ yếu là xả trực tiếp ra các mương, sông, suối... Ngoài ra việc chăn nuôi gia súc gia cầm của một số hộ gia đình chưa đảm bảo vệ sinh, gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

Hoạt động du lịch trên địa bàn ngày càng phát triển, kéo theo đó là lượng chất thải, rác thải phát sinh từ các hoạt động du lịch, các nhà hàng, khách sạn và du khách ngày càng lớn, gây ô nhiễm môi trường đất, môi trường nước và không khí.

Chất thải nguy hại đã được các cơ sở thu gom cho các đầu mối để vận chuyển, xử lý. Cùng với sự phát triển kinh tế, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh ngày càng nhiều, nhất là rác thải khu dân cư và hoạt động dịch vụ du lịch. Đa số chất thải rắn vẫn chưa được thu gom và xử lý theo đúng quy định, chủ yếu là đốt và chôn lấp dưới đất, có trường hợp không xử lý mà thải trực tiếp ra môi trường gây ảnh hưởng đến không khí, ảnh hưởng đến môi trường đất, sức khỏe của con người.

2.2. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.

2.2.1. Về phát triển kinh tế

Năm 2023 là năm có ý nghĩa quan trọng, là năm bản lề để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025. Thực hiện Quyết định số 1868/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023; Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày

10/01/2023 ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách Nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023 của UBND tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của HĐND huyện về việc phê chuẩn các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2023.

Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, sự giám sát của HĐND, sự phối hợp thống nhất của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể huyện, sự nỗ lực của các phòng, ban, đơn vị và sự đồng thuận của nhân dân với quyết tâm chính trị phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết lãnh đạo của Huyện ủy, Nghị quyết HĐND huyện; UBND huyện đã nghiêm túc triển khai quyết liệt thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và đạt được những kết quả nhất định. Kết quả cụ thể một số chỉ tiêu:

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 27,5 triệu đồng/người.
- Thu ngân sách trên địa bàn đạt 68 tỷ đồng/năm.
- Giá trị sản phẩm nông nghiệp đạt 52,42 triệu đồng/ha.
- Giá trị sản xuất công nghiệp đạt bình quân đạt 150 tỷ đồng/năm.
- Tỷ lệ xóm, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa đạt 74,8%; tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt công sở văn hóa đạt 96%; Tỷ lệ xóm, tổ dân phố có nhà sinh hoạt cộng đồng đạt 99,01%.
- Xây dựng xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã đạt 1 xã (xã Cao Thăng). Tỷ lệ dân số tham gia BHYT đạt 95,5%.
- Tỷ lệ giảm nghèo bình quân/năm đạt 5,79%.
- Thu hút khách du lịch đạt 923.339 lượt.
- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 53,78%.
- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 97,5%.
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt khu vực thị trấn được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường đạt 85,5%.
- Số hộ đưa gia súc khỏi gầm sàn nhà ở đạt 439 hộ.

(Nguồn số liệu: Báo cáo số 1020/BC-UBND ngày 12/12/2023 của UBND huyện Trùng Khánh về Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2023; nhiệm vụ, giải pháp năm 2024)

2.3. Phân tích đánh giá bổ sung về biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất

- Trùng Khánh là một huyện miền núi vùng cao, nằm ở biên giới phía Đông Bắc của tỉnh Cao Bằng, có vị trí và vai trò quan trọng trong bảo vệ hệ sinh thái đầu nguồn. Biến đổi khí hậu ở Cao Bằng nói chung và huyện Trùng Khánh nói riêng thể hiện ở các yếu tố nhiệt độ, lượng mưa và các hiện tượng thời tiết bất thường đã làm cho các thiên tai xảy ra như: lũ lụt, hạn hán, rét đậm rét hại, ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp. Các hiện tượng thời tiết bất thường một số năm gần đây mà trạm thủy văn Trùng Khánh ghi nhận được như ảnh hưởng của các đợt nắng nóng, rét đậm rét hại, giông sét, lượng mưa bất thường, mực nước sông Quây Sơn, Bắc Vọng,...

- Tình trạng biến đổi khí hậu như nắng nóng, ngập úng, giông sét, rét đậm rét hại,... gây áp lực cho việc sử dụng đất đai, tác động xấu đến giống cây trồng, vật nuôi sẽ làm cho tình trạng cung cấp lương thực, thực phẩm trở nên bấp bênh hơn, chi phí đầu tư tốn kém hơn. Thiệt hại vật chất do thiên tai, dịch bệnh tác động chủ yếu vào nông nghiệp, lâm nghiệp và người nông dân.

- Hiện nay, sản xuất nông nghiệp còn phụ thuộc rất nhiều vào thời tiết. Khi biến động dị thường của thời tiết sẽ ảnh hưởng rất lớn tới sản xuất nông nghiệp, nhất là trồng trọt. Sự bất thường của chu kỳ sinh khí hậu nông nghiệp không những dẫn tới sự tăng dịch bệnh, dịch hại, giảm năng suất và sản lượng, tăng nguy cơ và rủi ro đối với nông nghiệp và an ninh lương thực.

- Biến đổi khí hậu đang gây nên những hiện tượng thời tiết khác thường so với quy luật nhiều năm, cần có những nghiên cứu tìm hiểu về quy luật biến đổi khí hậu và đưa ra các biện pháp thích hợp để ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm nhằm hạn chế tác động xấu đến sản xuất, đồng thời phục hồi tài nguyên để sử dụng có hiệu quả đi đôi với việc cải thiện môi trường để phát triển bền vững.

- Việc biến đổi khí hậu gây ảnh hưởng với diện tích như sau:

+ Khô hạn: 42.822 ha, trong đó: Đất sản xuất nông nghiệp 9.373 ha (Nhẹ 544 ha, trung bình 8.829 ha); đất lâm nghiệp 33.120 ha (Nhẹ 30.859 ha, trung bình 2.261 ha); đất đồi núi chưa sử dụng 130 ha (Nhẹ 128 ha, trung bình 2 ha); đất bằng chưa sử dụng 199 ha (Nhẹ 183 ha, trung bình 16 ha).

+ Suy giảm độ phì: 17.399 ha/42.883 ha diện tích điều tra, trong đó: Nhẹ 1.797 ha, trung bình 15.602 ha.

+ Kết von: 1.723 ha/42.883 ha diện tích điều tra, trong đó: Nhẹ 1.011 ha, trung bình 216 ha, nặng 496 ha.

(Theo Báo cáo dự án: Thử nghiệm điều tra thoái hoá đất cấp tỉnh phục vụ

xây dựng chỉ tiêu thống kê diện tích đất bị thoái hoá thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia).

III. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH

3.1. Phân tích, đánh giá bổ sung tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai

Công tác quản lý đất đai luôn được UBND huyện Trùng Khánh chú trọng và dần đi vào nề nếp, đất đai được quản lý tốt theo yêu cầu của Luật Đất đai năm 2013, đã hình thành hệ thống quản lý đất đai từ huyện đến cấp xã, đảm bảo việc quản lý đất đai theo 15 nội dung quản lý Nhà nước về đất đai. Công tác quản lý nhà nước về đất đai của huyện thông qua quy hoạch sử dụng đất, đất đai được phân bổ theo nhu cầu sử dụng đất của các Ngành, các Thành phần kinh tế ... theo nhu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn trong những năm qua.

Kinh tế - xã hội phát triển nhanh, quá trình công nghiệp hóa, chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất, nhu cầu đất đai cho các thành phần kinh tế phát triển đang là thách thức lớn trong công tác quản lý nhà nước về đất đai. Đồng thời phải đẩy mạnh công tác quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch và xây dựng hệ thống thủ tục hành chính về đất đai từ Quyết định phê duyệt, Văn bản thực hiện, Cơ chế, Chính sách cũng như con người và Ứng dụng số hóa, công nghệ thông tin để thực hiện công tác quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch theo quy định của Pháp luật và đáp ứng tốt yêu cầu của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong lĩnh vực đất đai ...

3.2. Phân tích, đánh giá bổ sung hiện trạng và biến động sử dụng đất

3.2.2. Biến động sử dụng đất đai biến động sử dụng đất

Biến động sử dụng đất đai là việc so sánh hiện trạng sử dụng đất năm 2020 (số liệu đầu vào của quy hoạch sử dụng đất huyện Trùng Khánh giai đoạn 2021-2030) với kết quả sử dụng đất năm 2023 huyện Trùng Khánh là số liệu thống kê năm 2023 (tính từ 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023) như sau:

Bảng 02: So sánh hiện trạng sử dụng đất năm 2020 và hiện trạng năm 2023

TT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 (ha)	Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 (ha)	So sánh tăng (+), giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	6=(5)-(4)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		68.800,30	68.800,30	0,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	62.929,73	62.923,76	-5,97
	<i>Trong đó:</i>				

Báo cáo tóm tắt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh

TT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 (ha)	Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 (ha)	So sánh tăng (+), giảm (-)
1.1	Đất trồng lúa	LUA	6.540,84	6.539,72	-1,12
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa</i>	<i>LUC</i>			
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	5.995,68	5.991,71	-3,97
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	506,22	505,32	-0,90
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	37.527,16	37.527,17	0,01
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	3.452,28	3.452,28	0,00
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	8.848,07	8.848,07	0,00
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>5.337,92</i>		<i>-5.337,92</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	56,05	56,05	0,00
1.8	Đất làm muối	LMU			
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	3,43	3,43	0,00
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.968,11	4.974,12	6,01
	<i>Trong đó:</i>				
2.1	Đất quốc phòng	CQP	127,33	128,16	0,83
2.2	Đất an ninh	CAN	3,83	2,85	-0,98
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK			
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN			
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	41,94	42,13	0,19
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	43,92	43,93	0,01
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	506,26	506,25	-0,01
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	64,06	64,08	0,02
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.368,10	2.371,30	3,20
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>2.020,38</i>	<i>2.021,66</i>	<i>1,28</i>
	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>90,58</i>	<i>90,56</i>	<i>-0,02</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>0,74</i>	<i>3,09</i>	<i>2,35</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>5,29</i>	<i>5,28</i>	<i>-0,01</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục-đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>45,39</i>	<i>45,39</i>	<i>0,00</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>7,18</i>	<i>7,19</i>	<i>0,01</i>
	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>52,29</i>	<i>52,28</i>	<i>-0,01</i>

TT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 (ha)	Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 (ha)	So sánh tăng (+), giảm (-)
	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	1,19	1,21	0,02
	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG			
	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,50	0,50	
	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	7,94	7,94	0,00
	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4,41	4,41	0,00
	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	92,87	92,82	-0,05
	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH			
	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	31,69	31,69	0,00
	Đất chợ	DCH	7,27	7,27	0,00
2.10	Đất danh lam, thắng cảnh	DDL	10,79	10,79	
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	6,01	6,02	0,01
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV			
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	571,81	573,21	1,40
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	115,95	116,26	0,31
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	10,28	10,96	0,68
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	17,50	17,49	-0,01
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DGN			
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	7,37	7,37	0,00
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.005,75	1.005,75	0,00
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	67,21	67,21	0,00
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK			
	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0,38	0,37	-0,01
3	Đất chưa sử dụng	CSD	902,46	902,42	-0,04

IV. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

4.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

4.1.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.

Thực hiện Quyết định số 2036/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng Về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030

huyện Trùng Khánh. Đến nay thời điểm lập điều chỉnh quy hoạch tháng 04/2024 thì hiện trạng sử dụng đất của điều chỉnh được xác định là số liệu thống kê năm 2023 (tính từ 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023).

Do vậy đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước được xác định là các chỉ tiêu sử dụng các loại đất được phê duyệt đến năm 2030 so với số liệu hiện trạng năm 2023.

Bảng 03: So sánh kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch kỳ trước

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	QH phê duyệt tại QĐ số 2036/QĐ-UBND	Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 (ha)	So sánh Tăng (+), giảm (-)
	Tổng diện tích tự nhiên		68.800,30	68.800,30	0,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	60.920,22	62.923,76	2.003,54
	<i>Trong đó:</i>				0,00
1.1	Đất trồng lúa	LUA	6.166,91	6.539,72	372,81
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	-		0,00
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	5.963,23	5.991,71	28,48
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	928,97	505,32	-423,65
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	31.280,73	37.527,17	6.246,44
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	6.954,54	3.452,28	-3.502,26
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	9.506,47	8.848,07	-658,40
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>5.094,40</i>	<i>5.337,92</i>	<i>328,52</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	54,65	56,05	1,40
1.8	Đất làm muối	LMU	-		0,00
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	64,72	3,43	-61,29
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	7.012,37	4.974,12	-2.038,25
	<i>Trong đó:</i>				0,00
2.1	Đất quốc phòng	CQP	402,07	128,16	-273,91
2.2	Đất an ninh	CAN	6,50	2,85	-3,65
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-		0,00
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	-		0,00
2.5	Đất thương mại dịch vụ	TMD	309,33	42,13	-267,19

Báo cáo tóm tắt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	QH phê duyệt tại QĐ số 2036/QĐ-UBND	Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 (ha)	So sánh Tăng (+), giảm (-)
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	45,44	43,93	-1,51
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	1.120,05	506,25	-613,81
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	97,02	64,08	-32,94
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.925,54	2.371,30	-554,24
	<i>Trong đó:</i>				0,00
-	Đất giao thông	DGT	2.338,71	2.021,66	-317,06
-	Đất thủy lợi	DTL	132,61	90,56	-42,05
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	9,26	3,09	-6,17
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	7,82	5,28	-2,54
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	55,72	45,39	-10,33
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	121,64	7,19	-114,45
-	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0,38		-0,38
-	Đất công trình năng lượng	DNL	56,07	52,28	-3,79
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	1,87	1,21	-0,66
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-		0,00
-	Đất cổ di tích lịch sử văn hóa	DDT	29,46	0,50	-28,96
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	18,60	7,94	-10,66
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4,41	4,41	0,00
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	99,48	92,82	-6,66
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-		0,00
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	31,69	31,69	0,00
-	Đất chợ	DCH	9,99	7,27	-2,72
-	Đất công trình công cộng khác	DCK	7,83		-7,83
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	24,95	10,79	-14,16
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	11,58	6,02	-5,56
2.12	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	17,60		-17,60
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	720,85	573,21	-147,65

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	QH phê duyệt tại QĐ số 2036/QĐ-UBND	Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 (ha)	So sánh Tăng (+), giảm (-)
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	199,80	116,26	-83,55
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,65	10,96	-7,69
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	21,96	17,49	-4,47
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-		0,00
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	7,30	7,37	0,07
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.003,18	1.005,75	2,57
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	80,55	67,21	-13,34
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-		0,00
	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK		0,37	0,37
3	Đất chưa sử dụng	CSD	867,71	902,42	34,71

4.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.

4.2.1. Những mặt được

- Công tác quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất góp phần tích cực cho việc sử dụng đất hợp lý và hiệu quả. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã trở thành một trong những căn cứ pháp lý quan trọng để UBND huyện thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã phân bổ nguồn lực đất đai cơ bản đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh. Thông qua quy hoạch sử dụng đất, cơ cấu sử dụng đất được chuyển đổi phù hợp với quá trình chuyển dịch cơ cấu và tái cấu trúc nền kinh tế, chuyển đổi cơ cấu từ nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ, đã tạo điều kiện thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nông nghiệp, nông thôn phù hợp với nền kinh tế thị trường.

- Việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã tạo quỹ đất cho các ngành, lĩnh vực phát triển, thực hiện những mục tiêu, nhiệm vụ trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của huyện, góp phần khôi phục, bảo vệ và phát triển rừng, phát triển công nghiệp, dịch vụ, xây dựng kết cấu hạ tầng, chỉnh trang và

phát triển đô thị.

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất góp phần đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xây dựng nông thôn mới: Đất dành cho phát triển các khu kinh tế; thương mại - dịch vụ, xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới tiếp tục được mở rộng đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh quá trình đô thị hoá, công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn và rút ngắn khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng kinh tế, đô thị và nông thôn.

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất góp phần tạo việc làm và giải quyết các vấn đề an sinh xã hội: Việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là cơ sở để triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật về đất đai, tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho nhân dân.

- Sự tham gia của người dân trong công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã từng bước phát huy được tính dân chủ, công khai, minh bạch, hạn chế được những tiêu cực trong công tác quản lý đất đai, góp phần ổn định tình hình chính trị - xã hội.

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất góp phần khai thác tốt hơn nguồn lực đất đai, làm cho việc sử dụng đất đai ngày càng tiết kiệm và đạt được hiệu quả cao. Nguồn thu từ đất trở thành nguồn lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế và tăng thu ngân sách.

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã đóng góp tích cực và hiệu quả trong việc giữ diện tích đất trồng lúa nhằm đảm bảo an ninh lương thực, thực phẩm; khôi phục và bảo vệ rừng. Diện tích rừng phòng hộ, rừng đặc dụng cơ bản được giữ hợp lý, đảm bảo yêu cầu cân bằng hệ sinh thái và bảo vệ môi trường, giảm nhẹ thiên tai.

4.2.2. Những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.

**** Tồn tại***

- Nhiều trường hợp quy hoạch đúng mục đích, rất cần thiết, có lộ trình thực hiện, nhưng do ngân sách không bảo đảm hoặc bị động về nguồn thu nên sau khi công bố triển khai quy hoạch đã phải dừng lại, nhất là các dự án quy hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật.

- Việc lập quy hoạch sử dụng đất chưa đảm bảo tính kết nối liên huyện, liên xã và phát huy được thế mạnh của từng xã. Quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên đất đai, khoáng sản, rừng, nguồn nước hiệu quả chưa cao.

- Một số dự án của các doanh nghiệp phải thực hiện theo hình thức thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên có dự án còn gặp khó khăn do chủ đầu tư và người dân chưa thống nhất được mức đền bù nên chậm triển khai thực hiện.

* *Nguyên nhân:* Trong quá trình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện thì một số chỉ tiêu sử dụng đất chưa đạt so với kế hoạch đề ra, điều đó xuất phát từ các nguyên nhân sau:

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn nhiều điểm chưa phù hợp với thực tiễn phải điều chỉnh lại do dự báo phát triển kinh tế - xã hội chưa chính xác. Nhu cầu về vốn đầu tư đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật của các địa phương là rất lớn trong khi huyện là địa bàn khó khăn, ngân sách của tỉnh có hạn, khả năng kêu gọi vốn đầu tư bằng các nguồn xã hội hóa chưa cao nên chưa thể bố trí vốn để thực hiện các dự án. Việc áp dụng quy định công trình chỉ được phép triển khai mời thầu để đấu thầu thi công khi đã giải phóng xong mặt bằng cũng ảnh hưởng đến thời gian thực hiện do công tác đền bù, giải phóng mặt bằng thường kéo dài.

- Việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức còn chủ quan, không có dự án tiền khả thi nên không có khả năng thực hiện. Chưa chủ động về nguồn vốn đầu tư thực hiện các công trình đã đăng ký trong phương án quy hoạch sử dụng đất. Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước còn thiếu so với nhu cầu.

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch các ngành khác chưa thực sự thống nhất, tình trạng tự phát, cục bộ thực hiện quy hoạch, kế hoạch của các ngành, các cấp vẫn chưa được chấn chỉnh. Tình trạng sử dụng đất vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn xảy ra khá lớn trong giai đoạn hiện nay.

- Công tác quản lý đất đai còn chưa được chặt chẽ, vẫn còn tình trạng tự ý chuyển mục đích sử dụng đất, xây dựng công trình trái phép trên đất nông nghiệp.

4.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ tới

- Kinh tế, xã hội phát triển rất nhanh do yêu cầu đẩy mạnh đô thị hóa, công nghiệp hóa, chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu sử dụng đất nên nhu cầu sử dụng đất tăng cao và rất đa dạng, làm tăng giá trị của đất đòi hỏi công tác quản lý đất đai nói chung, quy hoạch nói riêng phải có về cơ chế, chính sách mới phù hợp để có thể quản lý tốt theo quy hoạch và pháp luật.

- Phải có sự gắn kết đồng bộ hơn nữa giữa các loại quy hoạch, tránh

chồng chéo quy hoạch.

- Cần có chính sách ưu đãi trong đầu tư đối với hạng mục công trình có khả năng thực hiện cao.

- Nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đặc biệt coi trọng dự báo chính xác về nhu cầu quỹ đất cho phát triển các ngành, lĩnh vực, tính toán khoa học, sát với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành và địa phương trong công tác thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lập, thẩm định, xét duyệt, công bố và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các cấp; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

Phần II
PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH
SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN TRÙNG KHÁNH

I. ĐIỀU CHỈNH ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT

1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

1.1.1. Phương hướng phát triển kinh tế, xã hội

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với từng vùng theo hướng nâng cao giá trị sản xuất. Tập trung phát triển sản phẩm nông nghiệp có lợi thế của huyện. Đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, tập huấn khoa học kỹ thuật, đưa giống mới có chất lượng, giá trị kinh tế cao vào sản xuất.

- Đầu tư xây dựng các công trình văn hóa xã hội phục vụ đời sống dân sinh trong quá trình đô thị hóa; chú trọng phát triển giáo dục, đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động, phục vụ cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, đơn vị triển khai các hoạt động sản xuất công nghiệp tại khu vực cửa khẩu; các đơn vị khai thác, chế biến vật liệu xây dựng hoạt động góp phần tạo công ăn việc làm cho lao động địa phương; triển khai xây dựng các nhà máy sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp.

- Phát triển nhanh và đa dạng các loại hình dịch vụ - du lịch, đưa dịch vụ - du lịch trở thành ngành có đóng góp chủ yếu trong cơ cấu kinh tế của huyện.

- Phương hướng chuyển đổi cơ cấu kinh tế phải hướng tới tuyển dụng nhiều lao động và phát triển nguồn nhân lực để chuyển lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Xây dựng đô thị cùng kết cấu hạ tầng, phát triển công nghiệp khai khoáng gắn với chế biến cũng như phát triển kinh tế xã hội vùng biên giới. Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hoá phù hợp từng vùng sinh thái và đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh, môi trường.

- Tiếp tục xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân ngày càng vững chắc. Bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, giữ vững ổn định chính trị. Tăng cường hoạt động tuần tra, bảo vệ đường biên, mốc giới, giữ vững chủ quyền lãnh thổ quốc gia. Quan tâm xây dựng đường

biên giới hữu nghị, cùng phát triển; mở rộng hợp tác trên các lĩnh vực thương mại, dịch vụ với Trung Quốc.

1.1.2. Mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội

Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; xây dựng và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết các dân tộc giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội xã hội; phát huy mạnh mẽ nội lực, không ngừng đổi mới tư duy, sáng tạo, quyết tâm, quyết liệt tạo nhiều đột phá, khác biệt trên các lĩnh vực; đẩy mạnh cải cách hành chính, phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh, huy động mọi nguồn lực để xây dựng huyện Trùng Khánh phát triển nhanh và bền vững. Định hướng một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chính đến năm 2030 như sau:

- Cơ cấu giá trị sản xuất các ngành đến năm 2030: Thương mại, dịch vụ 50%; Nông, lâm, ngư nghiệp 27%; Công nghiệp - xây dựng 23%.
- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2030 đạt 45 triệu đồng/người.
- Giá trị sản phẩm nông nghiệp đạt 55 triệu đồng/ha.
- Thu ngân sách hàng năm bình quân tăng trên 10% so với chỉ tiêu tỉnh giao.
- Tiếp tục duy trì, củng cố nâng cao chất lượng Bộ tiêu chí/xã được công nhận.
- Nâng cao chất lượng dạy và học, xây dựng trường chuẩn quốc gia đạt từ 10 trường trở lên.
- Đến năm 2030, tỷ lệ xóm, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa 75%; số cơ quan đạt tiêu chuẩn văn hóa đạt 100%, tỷ lệ xóm, tổ dân phố có nhà sinh hoạt cộng đồng đạt 100% (tỷ lệ xóm, tổ dân phố có nhà văn hóa đạt tiêu chí nông thôn mới đạt trên 25%).
- Phần đầu đến năm 2030 có từ 10 xã trở lên đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã, tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2030 đạt 100%.
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3%/năm trở lên, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 70%.
- Đến năm 2030 thu hút trên 3,5 triệu lượt khách du lịch.
- Đến năm 2030 tỷ lệ che phủ rừng đạt 57%.
- Đến năm 2030 duy trì 100% dân cư thị trấn được dùng nước sạch, 100% dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh.

- Đến năm 2030 tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt khu vực thị trấn được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường đạt 95%.

- Đến năm 2030 duy trì 100% số hộ chăn nuôi đưa gia súc ra khỏi gầm sàn nhà ở.

- Quốc phòng – an ninh đảm bảo.

- Tỷ lệ tổ chức cơ sở Đảng hàng năm hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt trên 85%; tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trên 95%, bình quân hàng năm kết nạp 250 đảng viên mới/năm

- Tiếp tục thực hiện tốt 2 chương trình trọng tâm:

+ Chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

+ Chương trình phát triển đô thị thị trấn Trùng Khánh, thị trấn Trà Lĩnh.

- Tiếp tục thực hiện tốt 3 nội dung đột phá:

+ Phát triển du lịch – dịch vụ bền vững.

+ Phát triển cây ăn quả theo hướng hàng hóa gắn với chế biến.

+ Phát triển kinh tế cửa khẩu.

1.2. Quan điểm sử dụng đất.

Đất đai là tài nguyên vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt không gì thay thế được. Việc sử dụng đất đai phải dựa trên quan điểm chung là: Sử dụng đất đai một cách hợp lý, tiết kiệm và mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất, kết hợp với bảo vệ thiên nhiên và môi trường sinh thái đảm bảo phát triển bền vững;

Xác định đúng và hợp lý những quan điểm sử dụng đất đai có ý nghĩa rất lớn trong việc phát triển kinh tế - xã hội của huyện nói riêng và của tỉnh nói chung. Với những nét đặc trưng về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, trong giai đoạn những năm tới việc khai thác và quản lý sử dụng đất đai để phát triển kinh tế - xã hội của huyện Trùng Khánh, trong đó dựa trên một số quan điểm sau đây:

- Khai thác triệt để quỹ đất tự nhiên

- Quan điểm về chuyển mục đích sử dụng

- Quan điểm duy trì và bảo vệ đất nông nghiệp

- Quan điểm sử dụng tiết kiệm

- Quan điểm điều chỉnh những bất hợp lý trong sử dụng đất

- Quan điểm về bảo vệ môi trường cảnh quan

- Quan điểm sử dụng đất hiệu quả

1.3. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng.

Theo hướng dẫn của thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 thì trên địa bàn cấp huyện có 13 chỉ tiêu đất khu chức năng. Đối với huyện Trùng Khánh căn cứ theo thực trạng, định hướng phát triển kinh tế - xã hội để phân bổ quỹ đất cho các mục tiêu cụ thể, phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh có 13 chỉ tiêu đất khu chức năng (chỉ tiêu không có là: Đất khu công nghệ cao). Định hướng sử dụng đất khu chức cụ thể như sau:

1.3.1. Đất khu công nghệ cao

Giai đoạn 2021 - 2030, huyện không quy hoạch đất cho khu công nghệ cao.

1.3.2. Đất khu kinh tế

Đất khu kinh tế của huyện bao gồm toàn bộ ranh giới của khu kinh tế cửa khẩu huyện Trùng Khánh với diện tích 8.134,35 ha được thành lập theo Quyết định số 20/2014/QĐ-TTg ngày 11/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng. Định hướng sử dụng đất của khu kinh tế cửa khẩu được thực hiện theo quy hoạch riêng, lập theo quy hoạch do Thủ tướng phê duyệt.

1.3.3. Đất đô thị

Đất đô thị bao gồm toàn bộ ranh giới của thị trấn Trà Lĩnh và thị trấn Trùng Khánh. Trong giai đoạn tới, ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng để thu hút đầu tư vào thị trấn; góp phần chỉnh trang đô thị, thúc đẩy phát triển cho các khu vực phụ cận. Định hướng đến năm 2030 đất đô thị là 2.871,48 ha.

1.3.4. Khu sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm)

- *Đất trồng lúa nước*: Trong những năm tới, trên cơ sở chỉ tiêu diện tích đất trồng lúa nước được phân bổ cần luận chứng cụ thể để lựa chọn những diện tích đất trồng lúa nước có hiệu quả hạn chế thấp nhất chuyển sang các mục đích khác như xây dựng và phát triển các đô thị, khu dân cư nông thôn, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ du lịch, xây dựng các công trình công cộng,...

- *Đất trồng cây lâu năm*: Trong những năm tới sẽ trồng các loại cây có hiệu quả, giá trị kinh tế cao; tiến hành phát triển, mở rộng diện tích đất trồng cây lâu năm trên phần diện tích đất trồng các loại cây hàng năm hiệu quả kinh tế thấp để hình thành các vùng chuyên canh cây ăn quả. Cây trồng chủ lực tại huyện là cây dẻ lấy hạt.

Định hướng đến năm 2030 khu sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm) là 1.499,00 ha.

1.3.5. Khu lâm nghiệp (khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất)

- *Rừng sản xuất*: Tập trung đầu tư khoanh nuôi và trồng mới rừng, phát triển rừng sản xuất trên cơ sở chuyển đổi diện tích rừng tự nhiên phòng hộ, rừng trồng phòng hộ, đất khoanh nuôi phục hồi rừng phòng hộ tại những khu vực ít xung yếu thành các loại rừng sản xuất.

- *Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ*: Duy trì và bảo vệ diện tích rừng hiện có, đẩy mạnh khôi phục và phát triển rừng, bảo vệ nguồn gen, lấy bảo vệ khoanh nuôi tái sinh rừng là chính. Đồng thời kết hợp hài hoà giữa bảo vệ, khai thác và lợi ích kinh tế, không ngừng nâng cao độ che phủ của rừng để bảo vệ môi trường, quốc phòng an ninh.

Định hướng đến năm 2030 khu lâm nghiệp (khu rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất) là 49.213,01 ha.

1.3.6. Khu du lịch

- Phát triển du lịch gắn với bảo vệ và khai thác hiệu quả Công viên địa chất toàn cầu UNESCO non nước Cao Bằng. Đầu tư xây dựng, tôn tạo các khu di tích lịch sử - văn hóa của huyện, kết nối các địa điểm du lịch, thúc đẩy phát triển du lịch. Nghiên cứu xây dựng một số sản phẩm du lịch đặc trưng, sản phẩm khác biệt để thu hút du khách; nâng cao hiệu quả xúc tiến, quảng bá du lịch và chất lượng dịch vụ du lịch.

- Đầu tư, xây dựng khu du lịch Thác Bản Giốc trở thành trọng điểm du lịch của tỉnh Cao Bằng và của Quốc gia, có các khu chức năng và hạ tầng đồng bộ, bố trí dân cư, các công trình phục vụ du lịch đảm bảo phát triển và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Định hướng đến năm 2030 khu lâm nghiệp (khu rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất) là 1.000,00 ha.

1.3.7. Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

Trên cơ sở “Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Cao Bằng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”, định hướng quy hoạch các khu bảo tồn và khu vực bảo vệ cảnh quan trên địa bàn huyện Trùng Khánh như sau:

- Bảo vệ và phát triển bền vững các hệ sinh thái tự nhiên, bảo tồn các

nguồn gen tự nhiên nguy cấp quý hiếm, các nguồn gen cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, sử dụng bền vững tài nguyên đa dạng sinh học; duy trì và phát triển dịch vụ hệ sinh thái nhằm thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế - xã hội của huyện, thích ứng với biến đổi khí hậu góp phần đảm bảo quốc phòng - an ninh.

- Hạn chế tối đa về suy giảm đa dạng sinh học; bảo vệ và phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, quản lý và kiểm soát chặt chẽ các loài sinh vật ngoại lai xâm hại; xây dựng và thực hiện chiến lược phòng ngừa các sự cố xảy ra.

Định hướng đến năm 2030 khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học là 6.673,00 ha.

1.3.8. Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)

Đến năm 2030 trên địa bàn huyện Trùng Khánh định hướng quy hoạch 02 cụm công nghiệp là cụm công nghiệp Trà Lĩnh (thị trấn Trà Lĩnh) 10 ha và cụm công nghiệp Thông Huế (xã Đoài Dương) 15 ha. Định hướng đến năm 2030 khu sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm) là 25 ha.

1.3.9. Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)

Đẩy mạnh tốc độ đô thị hóa, mở rộng quy mô và chỉnh trang đô thị theo hướng hiện đại:

- + Mở rộng diện tích không gian đô thị.
- + Hình thành khu đô thị mới tập trung dân cư, hình thành hệ thống chợ và các điểm thương mại, dịch vụ đi kèm.
- + Hình thành khu vực hành chính tập trung của huyện để đảm bảo thuận lợi cho sự phối hợp và triển khai công việc.
- + Chỉnh trang cơ sở hạ tầng đô thị trên địa bàn huyện theo hướng đô thị hiện đại, bao gồm: Xây dựng cải tạo hệ thống giao thông nội thị (lát vỉa hè, hệ thống cống rãnh), hoàn thiện hệ thống đèn điện đường trên các con phố của thị trấn, khu rác thải tập trung.

Định hướng đến năm 2030 khu đô thị là 54,00 ha. Bố trí quỹ đất cho xây dựng các khu đô thị nhằm thúc đẩy phát triển cơ sở hạ tầng cho khu vực và các vùng lân cận. Đến năm 2030, huyện Trùng Khánh dự kiến xây dựng các khu đô thị sau: Khu đô thị Đông Nam thị trấn Trùng Khánh 10,04 ha, Dự án phát triển đô thị Khu I (KĐT Kéo Tác 4,64 ha, Khu đô thị Non nước Cao Bằng 25,5 ha, Dự án phát triển đô thị Đức Hồng (Xây dựng hạ tầng kỹ thuật tạo quỹ đất dân cư, xây dựng khu tái định cư, chỉnh trang đô thị, thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh) 14 ha....

1.3.10. Khu thương mại - dịch vụ

Với lợi thế là huyện biên giới, có cửa khẩu quốc tế Trà Lĩnh sẽ thúc đẩy huyện phát triển mạnh về thương mại, dịch vụ, kho bãi,... Đến năm 2030, huyện dành hơn 290 ha để xây dựng phát triển thương mại, dịch vụ. Định hướng đến năm 2030 khu thương mại, dịch vụ là 290,52 ha.

1.3.11. Khu đô thị - thương mại - dịch vụ

Khu đô thị - thương mại – dịch vụ trên của huyện được xác định là khu ở tại thị trấn và khu thương mại - dịch vụ trên địa bàn thị trấn. Định hướng đến năm 2030 khu đô thị - thương mại – dịch vụ là 168,57 ha.

1.3.12. Khu dân cư nông thôn

Đất khu dân cư nông thôn là đất chủ yếu để xây dựng nhà ở, các công trình phục vụ cho đời sống, các công trình công cộng, đất nông nghiệp gắn liền với nhà ở và các loại đất khác thuộc phạm vi ranh giới khu dân cư nông thôn trong địa giới hành chính các xã. Định hướng đến năm 2030 cần tập trung dân cư nông thôn, không phát triển manh mún để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao năng suất lao động, giá trị sản phẩm nông nghiệp,... cải thiện đời sống nhân dân. Định hướng đến năm 2030 khu dân cư nông thôn là 2.291,00 ha.

1.3.13. Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn

Định hướng sử dụng đất ở những khu vực này cần được tính toán để đảm bảo tính liên kết trong chuỗi sản xuất hàng hóa và nguồn chất thải được xử lý khi thải ra môi trường. Ngoài ra, cần có chính sách ưu đãi với việc thuê mặt bằng để các làng nghề khu sản xuất phi nông nghiệp có thể mở rộng sản xuất, chuyển dần quy mô hộ gia đình sang mô hình doanh nghiệp. Định hướng đến năm 2030 khu dân cư nông thôn là 705,93 ha.

II. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội

Thực hiện Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025; Quyết định 1486/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Văn bản

số 2898/UBND-NĐ ngày 08/11/2022 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc cho chủ trương điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện.

UBND huyện Trùng Khánh xây dựng phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, như sau:

Bảng 04: Chỉ tiêu sử dụng đất huyện Trùng Khánh xác định so với chỉ tiêu phân bổ của quy hoạch tỉnh Cao Bằng

*Ghi chú: Chỉ tiêu dấu * không tính vào tổng diện tích tự nhiên*

2.2.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

a. Đất nông nghiệp

Năm 2030 đất nông nghiệp có diện tích 62.370,77 ha, chiếm 90,65% diện tích tự nhiên, giảm 1.372,11 ha so với năm 2023 có 62.923,76 ha. Diện tích đất nông nghiệp không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 61.551,65 ha. Thấp hơn so với chỉ tiêu phân khai của quy hoạch tỉnh Cao Bằng là 385,23 ha.

Cụ thể các loại đất trong đất nông nghiệp biến động như sau:

- Đất trồng lúa năm 2030 là 6.712,00 ha, chiếm 9,76% diện tích tự nhiên, giảm 305,39 ha so với năm 2023 có 6.539,72 ha. Diện tích đất lúa không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 6.234,33 ha. Bằng với chỉ tiêu phân khai của quy hoạch tỉnh Cao Bằng 6.712,00 ha.

- Đất trồng cây hàng năm khác năm 2030 diện tích là 4.234,16 ha, chiếm 6,15% diện tích tự nhiên, giảm 2.193,69 ha, so với năm 2023 có 2.193,69 ha. Diện tích đất trồng cây hàng năm khác không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 3.798,02 ha.

- Đất trồng cây lâu năm 2030 là 1.873,00 ha, chiếm 2,72% diện tích tự nhiên, giảm 37,14 ha, so với năm 2023 có 505,32 ha. Diện tích đất trồng cây lâu năm không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 468,18 ha. Bằng với chỉ tiêu phân khai của quy hoạch tỉnh 1.873,00 ha.

- Đất rừng phòng hộ năm 2030 là 31.503,01 ha, chiếm 45,79% diện tích tự nhiên, giảm 6.073,03 ha, so với năm 2023 có 37.527,17 ha. Diện tích đất rừng phòng hộ không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 31.454,14 ha. Bằng với chỉ tiêu phân khai quy hoạch tỉnh phân bổ 31.503,00 ha.

- Đất rừng đặc dụng năm 2030 là 6.673,00 ha, chiếm 9,70% diện tích tự nhiên, giảm 3,58 ha so với năm 2023. Diện tích đất rừng đặc dụng không thay đổi mục đích trong kỳ điều chỉnh quy hoạch là 3.448,70 ha. Bằng chỉ tiêu phân khai quy hoạch tỉnh phân bổ 6.673,00 ha.

- Đất rừng sản xuất năm 2030 là 11.037,00 ha, chiếm 16,04% diện tích tự nhiên, giảm 718,33 ha so với năm 2023 có 8.848,07 ha. Diện tích đất sản

xuất không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 8.129,74 ha. Bằngvowis chỉ tiêu phân khai quy hoạch tỉnh phân bổ 11.037,00 ha.

Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên năm 2030 là 4.344,00 ha, chiếm 6,31% diện tích tự nhiên, giảm 939,23 ha so với năm 2023. Diện tích đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 4.344,00 ha. Bằng với chỉ tiêu phân khai quy hoạch tỉnh phân bổ 4.344,00 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản năm 2030 là 56,43 ha, chiếm 0,08% diện tích tự nhiên, không biến động so với năm 2023. Diện tích đất nuôi trồng thủy sản không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 55,41 ha.

- Đất nông nghiệp khác năm 2030 là 282,16 ha, không biến động so với năm 2023.

b. Đất phi nông nghiệp

Năm 2030 diện tích đất phi nông nghiệp là 6.328,53 ha, chiếm 9,20% diện tích tự nhiên, tăng 1.354,40 ha so với năm 2023 có 4.974,12 ha. Diện tích đất phi nông nghiệp không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 4.881,47 ha. Cao hơn 386,53 ha so với chỉ tiêu phân khai của quy hoạch tỉnh 5.942,00 ha.

Cụ thể các loại đất trong đất phi nông nghiệp như sau:

- Đất quốc phòng năm 2030 diện tích là 392,00 ha, chiếm 0,57% diện tích tự nhiên, tăng 263,84 ha so với năm 2023 là 128,16 ha. Diện tích đất quốc phòng không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 128,16 ha. Bằng với chỉ tiêu phân bổ của quy hoạch tỉnh.

Diện tích tăng lên để thực hiện các công trình, dự án đất quốc phòng (*Chi tiết tại Phụ biểu 01 Danh mục công trình dự án trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng*)

- Đất an ninh năm 2030 diện tích là 6,00 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên, tăng 3,16 ha so với năm 2023 có 2,85 ha. Diện tích đất an ninh không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 2,85 ha. Bằng với chỉ tiêu phân bổ của quy hoạch tỉnh.

Diện tích tăng lên để thực hiện các công trình, dự án đất an ninh (*Chi tiết tại Phụ biểu 01 Danh mục công trình dự án trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng*)

- Đất cụm công nghiệp đến năm 2030 là 25,00 ha, chiếm 0,04% diện tích tự nhiên, tăng 25,00 ha so với năm 2023. Bằng với chỉ tiêu phân bổ của quy hoạch tỉnh. Diện tích tăng lên để thực hiện công trình: Cụm công nghiệp Trà Lĩnh tại thị trấn Trà Lĩnh 10 ha và cụm công nghiệp Thông Huệ tại xã Đoàn Dương 15 ha. (*Chi tiết tại Phụ biểu 01 Danh mục công trình dự án trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng*)

- Đất thương mại, dịch vụ năm 2030 là 290,52 ha, chiếm 0,42% diện tích tự nhiên, tăng 254,32 ha so với năm 2023 có 42,13 ha. Diện tích đất thương mại dịch vụ không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 36,20 ha. Cao hơn 51,52 ha với chỉ tiêu phân bổ của quy hoạch tỉnh.

Diện tích tăng lên để thực hiện các công trình, dự án thương mại, dịch vụ (*Chi tiết tại Phụ biểu 01 Danh mục công trình dự án trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng*)

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp năm 2030 là 91,00 ha, chiếm 0,13% diện tích tự nhiên, tăng 63,81 ha so với năm 2023 có 43,93 ha. Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 27,19 ha. Bằng với chỉ tiêu phân khai của quy hoạch tỉnh Cao Bằng.

Diện tích tăng lên để thực hiện các công trình, dự án đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (*Chi tiết tại Phụ biểu 01 Danh mục công trình dự án trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng*)

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản năm 2030 là 571,54 ha, chiếm 0,83% diện tích tự nhiên, tăng 161,69 ha so với năm 2023 có 506,25 ha. Diện tích đất sử dụng cho khoáng sản không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 409,85 ha. Cao hơn 192,54 ha so với chỉ tiêu phân khai của quy hoạch tỉnh Cao Bằng 379,00 ha.

Diện tích tăng lên để thực hiện các mỏ và điểm mỏ trên địa bàn (*Chi tiết tại Phụ biểu 01 Danh mục công trình dự án trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng*)

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm đến năm 2030 là 148,64 ha, không biến động so với năm 2023.

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đến năm 2030 là 2.589,70 ha, thực tăng 324,07 ha, so với năm 2023 có 2.265,62 ha. Cao hơn chỉ tiêu phân bổ của quy hoạch tỉnh Cao Bằng là 152,11 ha. Nguyên nhân cao hơn phân khai của quy hoạch tỉnh là do quy hoạch cấp quốc gia thực hiện theo Thông tư 29/2014/TT-BTNMT, xác định có 10 chỉ tiêu đất nhỏ trong đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh. Thực hiện theo Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện xác định 16 chỉ tiêu đất.

Biến động các loại đất trong điều chỉnh quy hoạch như sau:

+ Đất giao thông đến năm 2030 diện tích là 2.225,00 ha, giảm 16,53 ha so với năm 2023 có 2.021,66 ha. Bằng so với chỉ tiêu phân khai của quy hoạch tỉnh phân bổ 2.225,00 ha.

Diện tích tăng lên để thực hiện các công trình giao thông. (*Chi tiết tại Phụ*

biểu 01 Danh mục công trình dự án trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng)

+ Đất thủy lợi đến năm 2030 diện tích là 161,00 ha, thực tăng 4,73 ha so với năm 2023 có 90,56 ha. Bằng với chỉ tiêu phân khai của quy hoạch tỉnh.

Diện tích tăng lên để thực hiện các công trình thủy lợi. *(Chi tiết tại Phụ biểu 01 Danh mục công trình dự án trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng)*

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa đến năm 2030 diện tích là 7,00 ha, thực tăng 3,91 ha so với năm 2023 có 3,09 ha. Bằng với chỉ tiêu phân khai của quy hoạch tỉnh.

Diện tích tăng lên để thực hiện các công trình văn hóa *(Chi tiết tại Phụ biểu 01 Danh mục công trình dự án trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng)*

+ Đất xây dựng cơ sở y tế đến năm 2030 diện tích là 10,00 ha, thực tăng 4,72 ha so với năm 2023 có 5,28 ha. Bằng với chỉ tiêu phân khai của quy hoạch tỉnh.

Diện tích tăng lên là để thực hiện các công trình, dự án y tế *(Chi tiết tại Phụ biểu 01 Danh mục công trình dự án trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng)*

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo đến năm 2030 diện tích là 57,00 ha, thực tăng 11,61 ha so với năm 2023 có 45,39 ha. Bằng với chỉ tiêu phân khai của quy hoạch tỉnh.

Diện tích tăng lên để thực hiện các công trình, dự án giáo dục *(Chi tiết tại Phụ biểu 01 Danh mục công trình dự án trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng)*.

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao đến năm 2030 diện tích là 29,00 ha, tăng ha so với năm 2023 có 7,19 ha. Bằng với chỉ tiêu phân phân bổ của quy hoạch tỉnh.

Diện tích tăng lên để thực hiện các công trình, dự án thể dục - thể thao. *(Chi tiết tại Phụ biểu 01 Danh mục công trình dự án trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng)*.

+ Đất công trình năng lượng đến năm 2030 diện tích là 55,00 ha, tăng 2,72 ha so với năm 2023. Bằng với chỉ tiêu phân khai của quy hoạch tỉnh.

Diện tích tăng lên để thực hiện các công trình năng lượng. *(Chi tiết tại Phụ biểu 01 Danh mục công trình dự án trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng)*.

+ Đất công trình bưu chính viễn thông đến năm 2030 diện tích là 3,00 ha,

thực tăng 1,79 ha so với năm 2023 có 1,21 ha. Bằng so với chỉ tiêu phân khai của quy hoạch tỉnh 3,00 ha.

Diện tích tăng lên để thực hiện các công trình, dự án bưu chính viễn thông. (Chi tiết tại Phụ biểu 01 Danh mục công trình dự án trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng).

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa đến năm 2030 là 30,00 ha, không biến động so với năm 2023. Diện tích đất di tích lịch sử văn hóa không thay đổi mục đích trong kỳ điều chỉnh quy hoạch là 0,50 ha. Bằng so với chỉ tiêu phân bổ của quy hoạch tỉnh 30,00 ha.

Diện tích tăng lên để thực hiện các công trình, dự án đất có di tích lịch sử - văn hóa (Chi tiết tại Phụ biểu 01 Danh mục công trình dự án trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng).

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải đến năm 2030 là 17,00 ha, tăng 9,06 ha so với năm 2023. Bằng với chỉ tiêu phân khai của quy hoạch tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ biểu 01 Danh mục công trình dự án trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng).

+ Đất tôn giáo đến năm 2030 là 4,41 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích tự nhiên, trong kỳ quy hoạch không biến động so với năm 2023.

(Chi tiết tại Phụ biểu 01 Danh mục công trình dự án trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng).

+ Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng đến năm 2030 là 100,00 ha, trong kỳ quy hoạch thực tăng 7,18 ha so với năm 2023 có 92,82 ha. Diện tích đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 90,72 ha. Bằng với phân khai của quy hoạch tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ biểu 01 Danh mục công trình dự án trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng).

+ Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội đến năm 2030 là 31,69 ha, không biến động so với năm 2023. Diện tích đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 31,69 ha. Bằng với phân khai của quy hoạch tỉnh.

+ Đất chợ đến năm 2030 diện tích là 11,00 ha, thực tăng 3,73 ha so với năm 2023 có 7,27 ha. Diện tích đất chợ không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 5,24 ha. Bằng với phân khai của quy hoạch tỉnh.

- Đất danh lam thắng cảnh: Đến năm 2030 là 24,00 ha, chiếm 0,03% tổng diện tích tự nhiên, tăng 13,21 ha so với năm 2023. Diện tích đất danh lam, thắng cảnh không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 10,79 ha. Bằng với phân khai của quy hoạch tỉnh.

Diện tích tăng lên để thực hiện các công trình, dự án đất danh lam, thắng cảnh (*Chi tiết tại Phụ biểu 01 Danh mục công trình dự án trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng*).

- Đất sinh hoạt cộng đồng đến năm 2030 là 15,33 ha, chiếm 0,02% tổng diện tích tự nhiên, thực tăng 9,32 ha so với năm 2023. Diện tích đất sinh hoạt cộng đồng không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 5,96 ha.

(*Chi tiết tại Phụ biểu 01 Danh mục công trình dự án trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng*).

- Đất ở tại nông thôn đến năm 2030 là 622,01 ha, chiếm 0,90% tổng diện tích tự nhiên, thực tăng 48,80 ha so với năm 2023 có 573,21 ha. Diện tích đất ở tại nông thôn không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 570,80 ha. Bằng với phân khai của quy hoạch tỉnh.

Diện tích tăng lên để thực hiện các danh mục quy hoạch đất ở tại nông thôn và chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở tại nông thôn và theo chương trình xóa nhà tạm, dột nát. (*Chi tiết tại Phụ biểu 01 Danh mục công trình dự án trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng*).

- Đất ở tại đô thị đến năm 2030 là 237,00 ha, chiếm 0,34% tổng diện tích tự nhiên, thực tăng 120,74 ha so với năm 2023 có 116,26 ha. Diện tích đất ở tại đô thị không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 105,19 ha. Bằng so với chỉ tiêu phân khai của tỉnh.

Đất ở tại đô thị phân bố tại thị trấn Trùng Khánh, thị trấn Trà Lĩnh, diện tích tăng trong kỳ quy hoạch để thực hiện các dự án quy hoạch khu đô thị. (*Chi tiết tại Phụ biểu 01 Danh mục công trình dự án trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng*).

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan đến năm 2030 là 19,00 ha, chiếm 0,03% tổng diện tích tự nhiên, thực tăng 8,04 ha, so với năm 2023 có 10,96 ha. Diện tích đất trụ sở cơ quan không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 8,86 ha. Bằng với chỉ tiêu phân khai của quy hoạch tỉnh.

Diện tích tăng lên để thực hiện các công trình, dự án xây dựng trụ sở cơ quan. (*Chi tiết tại Phụ biểu 01 Danh mục công trình dự án trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng*).

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp năm 2030 là 22,00 ha, chiếm 0,03% tổng diện tích tự nhiên. Trong kỳ quy hoạch thực tăng 4,51 ha so với năm 2023 có 17,49 ha. Diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 12,92 ha. Bằng với chỉ tiêu phân khai của quy hoạch tỉnh.

Diện tích tăng lên để thực hiện các công trình, dự án xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp. (Chi tiết tại Phụ biểu 01 Danh mục công trình dự án trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng).

- Đất cơ sở tín ngưỡng năm 2030 là 7,77 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích tự nhiên, không biến động so với năm 2023. Diện tích đất cơ sở tín ngưỡng không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 7,32 ha.

- Đất sông, ngòi, kênh rạch, suối năm 2030 là 995,20 ha, chiếm 1,45% diện tích tự nhiên, giảm 10,55 ha, so với năm 2023 có 1.005,75 ha. Diện tích đất sông, ngòi, kênh rạch, suối không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 995,20 ha.

- Đất có mặt nước chuyên dùng năm 2030 là 78,55 ha, chiếm 0,11% diện tích tự nhiên, thực tăng 11,34 ha so với năm 2023 có 67,21 ha. Diện tích đất có mặt nước chuyên dùng không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 66,19 ha.

c. Đất chưa sử dụng

Đất chưa sử dụng năm 2030 là 101,00 ha, chiếm 0,15% diện tích tự nhiên, giảm 801,42 ha, so với năm 2023 có 902,42 ha. Diện tích đất chưa sử dụng không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 101,00 ha. Bằng so với chỉ tiêu phân khai của tỉnh.

Phần III
GIẢI PHÁP THỰC HIỆN
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

I. XÁC ĐỊNH CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Đề phương án quy hoạch sử dụng đất huyện Trùng Khánh giai đoạn 2021 - 2030 đi vào thực tiễn, đáp ứng được yêu cầu đất đai cho các ngành, các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, văn hóa - xã hội, an ninh quốc phòng phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đất đai, tài nguyên môi trường được bảo vệ ngày một tốt hơn, cần phải thực hiện đồng bộ một số giải pháp chính sau:

1.1. Giải pháp về chính sách

- Thực hiện tốt việc giao đất, giao rừng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn, bản sử dụng đất lâu dài và ổn định, phát triển trồng rừng quản lý rừng bền vững, đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc tế, được cấp chứng chỉ rừng đảm bảo nguồn gốc xuất xứ của gỗ nguyên liệu, là lợi thế trong cạnh tranh xuất khẩu quốc tế, duy trì tỷ lệ che phủ rừng trên 62%;

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác cấp giấy chứng nhận cho các tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn để đảm bảo đất đai được quản lý, sử dụng đúng mục đích.

- Đẩy mạnh khai hoang, cải tạo đất chưa sử dụng, cũng như các diện tích đất đã giao cho các mục đích phi nông nghiệp hết thời hạn được thu hồi, trả lại cần được tính toán để mở rộng diện tích đất nông nghiệp, lâm nghiệp nhằm tăng diện tích đất sản xuất nông nghiệp và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Thực hiện tốt chính sách trong đền bù giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất của nhân dân, giải quyết tranh chấp đất đai theo Luật định, chuyển mục đích sử dụng đất theo phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm được phê duyệt.

- Quản lý, giám sát chặt chẽ, điều chỉnh kịp thời quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đảm bảo phù hợp với yêu cầu về phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Xác định ranh giới và công khai diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng để bảo vệ nghiêm ngặt nhằm đáp ứng mục tiêu an ninh lương thực và bảo vệ môi trường sinh thái trước tác động tiêu cực ngày càng có xu hướng tăng của biến đổi khí hậu toàn cầu.

- Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội để đáp ứng được yêu cầu phát triển sản xuất của nhân dân, cũng như nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của người dân, đặc biệt là dân cư ở vùng cao, vùng khó khăn.

Đảm bảo đủ đất ở, đất sản xuất nông, lâm nghiệp, chú trọng phát triển lâm nghiệp để người dân có thu nhập từ trồng rừng sản xuất.

1.2. Giải pháp vốn đầu tư

- Tiếp tục duy trì và cân đối nguồn thu ngân sách từ đất đai để hoàn thiện xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai phục vụ công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện;

- Sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và tranh thủ các nguồn vốn hợp pháp từ các chương trình, dự án của Chính phủ và các tổ chức phi Chính phủ để đầu tư cho các cơ sở hạ tầng như: Giao thông, thủy lợi, xây dựng cơ bản, trường học, y tế ... cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; kêu gọi, thu hút vốn đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài nước thực hiện các dự án theo quy hoạch được duyệt;

- Cần tính toán các phương án đầu tư thu hồi, giải phóng mặt bằng để phát triển các khu, cụm công nghiệp và các dự án khác trên địa bàn, khuyến khích các nhà đầu tư tự thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của người dân trước khi triển khai thực hiện dự án.

1.3. Giải pháp về khoa học và công nghệ

- Tập trung đầu tư trang thiết bị, ứng dụng kịp thời tiến bộ khoa học công nghệ, nhất là công nghệ thông tin trong công tác quản lý, sử dụng đất.

- Khuyến khích các cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp đầu tư phát triển công nghệ sạch, thân thiện với môi trường và tiết kiệm nguyên nhiên liệu đảm bảo phát triển sản xuất với bảo vệ môi trường sinh thái.

1.4. Giải pháp tổ chức hành chính

Để phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất có tính khả thi cao, cần thực hiện đồng bộ trong hệ thống quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Sau khi quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt, UBND huyện chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quy hoạch và giao trách nhiệm cho các phòng, ban chức năng, UBND các xã có nhiệm vụ thực hiện theo phương án quy hoạch sử dụng đất đã đề ra. Trên cơ sở quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất đưa chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất vào hệ thống chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội chung của huyện, tạo đà cho sự phát triển toàn diện. Một số giải pháp cụ thể như:

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, uốn nắn và xử lý kịp thời, xử lý những vi phạm của người sử dụng đất nhất là đối với các quy hoạch, dự án “treo”;

- Hàng năm xây dựng kế hoạch đào tạo và nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đất đai, nhất là cán bộ địa chính cấp xã đảm

bảo đảm trình độ và năng lực thực hiện quản lý đất đai tại địa bàn xã;

- Tham gia đề xuất cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, lắng ý kiến của nhân dân để nâng cao vai trò của người sử dụng đất trong công cuộc cải cách thủ tục hành chính.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện tốt các nội dung quy hoạch được duyệt và sử dụng đất đai theo quy định của Luật.

- Khuyến khích, tiếp nhận thông báo, tố cáo những hành vi, hoạt động làm hủy hoại tài nguyên đất đai, cũng như sử dụng đất sai mục đích của nhân dân để xử lý nghiêm, kịp thời các sai phạm sử dụng đất trên địa bàn.

1.5. Giải pháp về bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

- Kết hợp trồng cây xanh, xây kè bao ở những nơi đất có cao trình thấp chịu ảnh hưởng của lũ lụt;

- Sử dụng đất trong các dự án phải có phương án bảo vệ môi trường, hoàn trả hiện trạng mặt đất sau khi kết thúc dự án, nhất là các khu khai thác khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng...;

- Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật để người dân sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả cao đi đôi với phát triển bền vững;

- Xây dựng cơ chế thống nhất giữa quản lý đất đai và bảo vệ môi trường; giữa sản xuất kinh doanh và bảo vệ môi trường đất, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho tổ chức, cá nhân trong quá trình sử dụng đất;

- Đầu tư các công trình xử lý chất thải ở các khu công nghiệp, bệnh viện, khu đô thị đảm bảo chất thải được xử lý đủ tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường;

- Tăng cường kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;

II. GIẢI PHÁP VỀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

- Xây dựng và thực hiện đào tạo và nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ, năng lực và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đất đai ở các cấp, đặc biệt là ở cấp huyện, thị xã, cán bộ địa chính xã, thị trấn để đáp ứng yêu cầu về đổi mới ngành và hội nhập quốc tế.

- Chú trọng công tác đào tạo cán bộ chuyên môn có đủ năng lực lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đạt hiệu quả và chất lượng.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp đã được phê duyệt.

- Nâng cao năng lực và cơ sở vật chất kỹ thuật cho các đơn vị sự nghiệp có chức năng lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Xây dựng các chương trình đào tạo ngắn hạn trên cơ sở đào tạo theo chuyên đề, ưu tiên đào tạo cho cán bộ lập, thực hiện và giám sát quy hoạch sử dụng đất ở địa phương.

III. XÁC ĐỊNH CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

- Công bố công khai tại UBND huyện Trùng Khánh, UBND cấp xã. Thông báo rộng rãi trên các phương tiện truyền thông, truyền hình toàn bộ nội dung về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện sau khi được xét duyệt;

- Đảm bảo dân chủ, công khai và minh bạch trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Các cấp, các ngành triển khai nhiệm vụ quy hoạch sử dụng đất của tỉnh đảm bảo khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên đất hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các các Phòng ban, và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất hàng năm và đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, định kỳ báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Các Phòng ban, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện các nội dung quy hoạch đã được duyệt.

- Trong quá trình triển khai quy hoạch sử dụng đất, các cấp, các ngành chức năng có trách nhiệm thường xuyên cập nhật các thông tin về khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất để kịp thời báo cáo, đề xuất các giải pháp xử lý phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Trùng Khánh và quy hoạch tỉnh Cao Bằng đến năm 2030.

IV. CÁC GIẢI PHÁP KHÁC

4.1. Giải pháp hỗ trợ ổn định đời sống

4.2. Giải pháp hỗ trợ ổn định sản xuất

4.3. Giải pháp hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm

4.4. Giải pháp về khoa học công nghệ và kỹ thuật

4.5. Giải pháp về chính sách thu hút đầu tư

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN:

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh, thể hiện chiến lược sử dụng đất của huyện. Có ý nghĩa quan trọng để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội là công cụ quan trọng để UBND huyện thực hiện quản lý đất Nhà nước về đất đai theo quy định của Luật đất đai năm 2013. Là căn cứ để thực hiện: giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đáp ứng nhu cầu đất đai để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Đồng thời bám sát định hướng trong quy hoạch tỉnh Cao Bằng, nhằm thực hiện các mục tiêu sau:

- Khai thác hiệu quả tài nguyên đất đai, để xây dựng huyện Trùng Khánh là huyện phát triển trên tất cả các lĩnh vực: Công nghiệp - xây dựng; Thương mại dịch vụ và du lịch; Nông lâm nghiệp và thủy sản.

- Phát triển công nghiệp thân thiện môi trường đảm bảo công nghiệp xanh, sạch bền vững.

- Phát triển sản xuất nông nghiệp của huyện trên cơ sở ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm nông sản phục vụ đời sống nhân dân trên địa bàn huyện và cung cấp sản phẩm ra thị trường và có truy suất nguồn gốc xuất xứ của nông sản.

- Phát triển thương mại dịch vụ và du lịch theo hướng hiện đại, đáp ứng nhu cầu ngày một cao của người tiêu dùng, đảm bảo hài hòa lợi ích của nhà cung cấp với giá trị sản phẩm mà người tiêu dùng thụ hưởng.

- Đối với những hộ dân bị thu hồi đất nông nghiệp, phải di chuyển chỗ ở, chuyển đổi nghề nghiệp, được bố trí tái định cư và ưu tiên đào tạo nghề, chuyển đổi việc làm và ưu tiên tuyển dụng lao động vào các cơ sở sản xuất, kinh doanh và khu, cụm công nghiệp trên địa bàn huyện ...

II. KIẾN NGHỊ:

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh. Để Ủy ban nhân dân huyện Trùng Khánh căn cứ quyết định được phê duyệt để triển khai thực hiện các dự án thành phần, trong điều chỉnh quy hoạch tạo tiền đề phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030 của huyện Trùng Khánh.